

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN
TRƯỜNG THCS NGỌC HẢI

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường THCS Ngọc Hải
Năm học 2023 - 2024

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	531	138	139	114	140
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	463 87,2%	116 84,06%	104 74,83%	105 92,11%	138 98,6%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	61 11,5%	18 13,77%	32 23,02%	9 7,89%	2 1,4%
3	Trung bình (Đạt đối với lớp 6,7,8) (tỷ lệ so với tổng số)	7 1,3%	4 2,17%	3 2,16%	0	0
4	Yếu (Chưa đạt đối với lớp 6,7,8) (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
II	Số học sinh chia theo học lực	531	138	139	114	140
1	Giỏi (Tốt đối với lớp 6,7,8) (tỷ lệ so với tổng số)	189 35,6%	29 21,01%	55 39,57%	34 29,82%	71 50,72%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	192 36,2%	59 42,76%	40 28,78%	39 34,21%	54 38,57%
3	Trung bình (Đạt đối với lớp 6,7,8) (tỷ lệ so với tổng số)	139 26,2%	47 34,06%	42 30,22%	35 30,7%	15 10,71%
4	Yếu (Chưa đạt đối với lớp 6,7,8) (tỷ lệ so với tổng số)	11 2,0%	3 2,17%	2 1,43%	6 5,26%	0
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	531	138	139	114	140
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	520 98,0%	135 97,8%	137 98,6%	108 94,7%	140
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	59 42,76%	29 21,01%	55 39,57%	34 29,82%	71 50,72%
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	59 42,76%	59 42,76%	40 28,78%	39 34,21%	54 38,57%
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	11 2,0%	3 2,17%	2 1,43%	6 5,26%	0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0

4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	0/4	0	0	0/4	0
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi	85	9	20	23	33
1	Cấp huyện	72	9	19	14	30
2	Cấp tỉnh/thành phố	11	0	1	9	1
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	02	0	0	0	02
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	0	0	0	0	140
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	0	0	0	0	140
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	71 50,72%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	54 38,57%
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	15 10,71%
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)					
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	275/256	60/68	63/76	66/48	76/64
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	02	0	02	0	0

Hải Sơn, ngày 04 tháng 6 năm 2024



Nguyễn Thị Kim Thúy